

Số: 30./2024/QĐ-UBND

Tây Ninh, ngày 06 tháng 9 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Quy định mật độ chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Tây Ninh đến năm 2030

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Chăn nuôi ngày 19 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2020 của Chính phủ hướng dẫn Luật Chăn nuôi;

Căn cứ Nghị định số 46/2022/NĐ-CP ngày 13 tháng 7 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2020 của Chính phủ hướng dẫn Luật Chăn nuôi;

Căn cứ Thông tư số 23/2019/TT-BNNPTNT ngày 30 tháng 11 năm 2019 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn một số điều của Luật Chăn nuôi về hoạt động chăn nuôi;

Căn cứ Thông tư số 18/2023/TT-BNNPTNT ngày 15 tháng 12 năm 2023 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 23/2019/TT-BNNPTNT ngày 30 tháng 11 năm 2019 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn một số điều của Luật Chăn nuôi về hoạt động chăn nuôi;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 3274/TTr-SNN ngày 30 tháng 8 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định về mật độ chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Tây Ninh đến năm 2030.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Tổ chức, cá nhân trong nước và ngoài nước có hoạt động chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.
2. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc thực hiện quản lý chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.

Điều 3. Mật độ chăn nuôi trên địa bàn tỉnh

1. Mật độ chăn nuôi trên toàn tỉnh đến năm 2030 không vượt quá 1,5 đơn vị vật nuôi/01 ha đất nông nghiệp (ĐVN/ha).
2. Mật độ chăn nuôi của các huyện, thị xã, thành phố đến năm 2030 không vượt quá mức quy định cụ thể cho từng địa bàn như sau:
 - a) Thành phố Tây Ninh: 0,15 ĐVN/ha;
 - b) Thị xã Hòa Thành: 0,20 ĐVN/ha;
 - c) Thị xã Trảng Bàng: 0,40 ĐVN/ha;
 - d) Huyện Châu Thành: 1,51 ĐVN/ha;
 - đ) Huyện Dương Minh Châu: 0,70 ĐVN/ha;
 - e) Huyện Tân Châu: 1,90 ĐVN/ha;
 - g) Huyện Tân Biên: 1,70 ĐVN/ha;
 - h) Huyện Gò Dầu: 0,40 ĐVN/ha;
 - i) Huyện Bến Cầu: 2,50 ĐVN/ha.

3. Đối với địa bàn cấp huyện có mật độ chăn nuôi đạt tới mức quy định: Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ xem xét đối với các dự án đầu tư chăn nuôi phù hợp với chiến lược phát triển chăn nuôi, công nghệ chăn nuôi và môi trường sinh thái nhưng phải đảm bảo mật độ chăn nuôi trên toàn tỉnh không vượt quá 1,5 ĐVN/ha.

Điều 4. Trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân có hoạt động chăn nuôi trên địa bàn tỉnh

1. Triển khai hoạt động chăn nuôi theo đúng chủ trương đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt;
2. Chấp hành việc kê khai hoạt động chăn nuôi theo quy định tại Điều 4 Thông tư số 23/2019/TT-BNNPTNT ngày 30 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn một số điều của Luật Chăn nuôi về hoạt động chăn nuôi và khoản 3 Điều 1 Thông tư số 18/2023/TT-BNNPTNT ngày 15 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 23/2019/TT-BNNPTNT ngày 30 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn một số điều của Luật Chăn nuôi về hoạt động chăn nuôi.

Điều 5. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 16 tháng 9 năm 2024 và thay thế Quyết định số 02/2021/QĐ-UBND ngày 18 tháng 01 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy định mật độ chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Tây Ninh đến năm 2030.

2. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật viện dẫn trong Quyết định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo quy định của văn bản mới.

Điều 6. Tổ chức thực hiện

1. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Kế hoạch và Đầu tư, Tài nguyên và Môi trường; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đơn vị và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

2. Sở Nông Nghiệp và Phát triển nông thôn

a) Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành có liên quan, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra việc triển khai thực hiện đảm bảo mật độ chăn nuôi theo quy định tại Quyết định này và phù hợp chiến lược phát triển chăn nuôi, công nghệ chăn nuôi và môi trường sinh thái tại địa phương; quản lý hoạt động chăn nuôi theo đúng quy định của pháp luật. Trong trường hợp cần thiết trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, sửa đổi, bổ sung quy định mật độ chăn nuôi cho phù hợp;

b) Chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư đưa ra khỏi dữ liệu tổng hợp mật độ chăn nuôi đối với các dự án đầu tư chăn nuôi chậm tiến độ triển khai hoặc không thực hiện dự án theo quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư;

c) Theo dõi, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh cân đối và quản lý mật độ chăn nuôi trên địa bàn toàn tỉnh không vượt quá quy định tại khoản 1, Điều 3 của Quyết định này;

d) Định kỳ hàng năm hoặc đột xuất tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về tình hình thực hiện mật độ chăn nuôi trên địa bàn tỉnh.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư

a) Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành có liên quan, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt chủ trương đầu tư đồng thời chấp nhận nhà đầu tư theo quy định của Luật Đầu tư đối với các dự án chăn nuôi đảm bảo mật độ chăn nuôi đúng quy định;

b) Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành có liên quan, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh rà soát, đề xuất xử lý các dự án đầu tư chăn nuôi chậm tiến độ thực hiện dự án hoặc không đủ năng lực triển khai dự án, không đủ điều kiện để điều chỉnh tiến độ thực hiện dự án theo

tiến độ thực hiện dự án đã được UBND tỉnh quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư, đồng thời chấp nhận nhà đầu tư; Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.

4. Sở Tài nguyên và Môi trường

a) Hướng dẫn các tổ chức, cá nhân có hoạt động chăn nuôi trên địa bàn tỉnh thực hiện các quy định của pháp luật về đất đai, môi trường và tài nguyên nước;

b) Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh kế hoạch sử dụng đất để tạo điều kiện cho các tổ chức, cá nhân đầu tư phát triển chăn nuôi.

5. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố

a) Tổ chức tuyên truyền, tổ chức thực hiện quy định này đến các tổ chức, cá nhân có hoạt động chăn nuôi tại địa bàn quản lý;

b) Kiểm tra, quản lý hoạt động chăn nuôi trên địa bàn đảm bảo phù hợp với môi trường sinh thái và quy định của pháp luật;

c) Theo dõi, kiểm tra, giám sát, đôn đốc nhà đầu tư triển khai dự án đã được UBND tỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư;

d) Định kỳ trước ngày 31 tháng 5 và ngày 30 tháng 11 hàng năm tổng hợp, báo cáo kết quả hoạt động chăn nuôi (gửi kèm theo danh sách các trang trại chăn nuôi và nhà yến đang hoạt động) trên địa bàn quản lý về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

6. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc thì đề nghị các cơ quan, đơn vị có liên quan phản ánh về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp báo cáo, tham mưu, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- Vụ Pháp chế - Bộ NN&PTNT;
- Cục Kiểm tra VBQPPL (Bộ Tư pháp);
- Như Điều 6;
- TT TU, TT HĐND tỉnh, Đoàn ĐBQH tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh, các đoàn thể;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Trung tâm Công báo – Tin học tỉnh;
- LĐVP, CVK;
- Lưu: VT, VP.UBND tỉnh.

8

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH.



Trần Văn Chiến